

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 26-7-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiền

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh T2, ông Đinh Thanh Hải, bà Phan Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Vương Thị H, sinh năm 1971 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú tại xóm NH, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp kinh doanh; trình độ văn hóa lớp 12; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Vương Đình T và bà Đặng Thị N; có chồng là Nguyễn Văn H1 và 02 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 08/8/2017 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Mạnh A, Văn phòng luật sư AT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- Bị hại:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện DH, tỉnh Thái Nguyên; Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Trần P, chức vụ Giám đốc; vắng mặt, ủy quyền cho bà Trần Thị Hương G, chức vụ Phó giám đốc; có mặt.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần và đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên; người đại diện: Ông Hà Mậu Q, chức vụ Giám đốc; vắng mặt, ủy quyền cho bà Nguyễn Khuê C, chức vụ Phó Giám đốc; có mặt.

3. Anh Lê Trung K, sinh năm 1975; nơi cư trú tại xóm AT, xã HT, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Anh Đoàn Mạnh C, sinh năm 1966; nơi trú tại tổ X, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1970; nơi cư trú tại tổ Y, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Anh Vi Minh T2, sinh năm 1973; nơi cư trú tổ Z, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1976; nơi cư trú tại tổ AA, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn T2 D, sinh năm 1977; nơi cư trú tại xóm S, xã PL, huyện DT, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

3. Vũ Đình C2, sinh năm 1965; nơi cư trú tại tổ ZO, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Anh Hứa Phúc C1, sinh năm 1964; nơi cư trú tại tổ ZZ, phường DX, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Anh Vũ Hải T4, sinh năm 1974; nơi cư trú tại tổ U, phường TV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2008 Vương Thị H thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H do H làm giám đốc, địa chỉ tại tổ Z6, thị trấn CH, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên (nay là tổ ZZ, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên) với ngành nghề kinh doanh đăng ký gồm dịch vụ sửa chữa, đại tu, đóng thùng bộ xe ô tô, vận tải hàng hóa, dịch vụ cầu kéo, cứu hộ.

Trong khoảng thời gian 2009 - 2010 Vương Thị H có 03 chiếc xe ô tô gồm: Xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long đăng ký số 006902 cấp ngày 19/02/2009 biển kiểm soát 20L-4379; xe ô tô tải nhãn hiệu CHUANLU đăng ký số 005718 cấp ngày 07/11/2008 biển kiểm soát 20L-3691; xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA INOVA đăng ký số 002913 cấp ngày 01/4/2010 biển kiểm soát 20L-8200. Do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên H đã thông qua 03 chiếc xe ô tô trên thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, sau đó H bỏ trốn.

Để thực hiện ý đồ, H đã nhiều lần gian dối làm đơn trình báo mất đăng ký xe; xin hoán cải kết cấu xe; đăng ký sang tên chủ xe từ tên cá nhân Vương Thị H sang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H và ngược lại để xin cấp nhiều đăng ký đối với cả ba chiếc xe ô tô trên rồi sử dụng các đăng ký xe được cấp vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 18/5/2009 H gian dối viết đơn trình báo Công an thị trấn CH, huyện DH về việc H bị mất đăng ký của chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 để Công an thị trấn CH xác nhận vào

đơn xin cấp lại đăng ký rồi đem đơn đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục báo mất và xin cấp lại đăng ký xe. Đến ngày 26/5/2009 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã cấp lại đăng ký mang số 008301 cho Vương Thị H. Lúc này đối với chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 H có 02 đăng ký là đăng ký số 006902 cấp ngày 19/02/2009 và đăng ký cấp lại số 008301 ngày 26/5/2009.

Ngày 05/6/2009 H sử dụng đăng ký số 006902 (không còn giá trị lưu hành vì đã báo mất) của chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 và đăng ký số 005718 của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 cấp ngày 07/11/2008 vào việc ký hợp đồng lừa thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 và chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 để vay số tiền 300.000.000đ. Do tin tưởng đăng ký xe ô tô mà H thế chấp và mục đích vay vốn của H là thật nên đến ngày 24/6/2009 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH cho H vay số tiền 300.000.000đ ghi tại hợp đồng tín dụng số LAV200903107 ngày 24/6/2009 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH ký kết với Vương Thị H. Sau khi cho vay tiền, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH chỉ giữ 02 đăng ký xe nêu trên, còn 02 chiếc xe ô tô Ngân hàng vẫn giao cho H quản lý, sử dụng.

Vụ thứ hai: Sau khi dùng đăng ký số 006902 (không còn giá trị lưu hành) của chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 thế chấp Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH, ngày 15/6/2009 H tiếp tục gian dối sử dụng đăng ký cấp lại số 008301 của chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 vào việc xin hoán cải kết cấu chiếc xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long từ "xe tải mui phủ" thành xe "kéo xe hổng". Đến ngày 16/6/2009 Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã thu hồi đăng ký số 008301 và cấp đăng ký số 008694 cho H là chủ chiếc xe ô tô "kéo xe hổng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379. Ngày 15/9/2009 H đã sử dụng đăng ký số 008694 của chiếc xe ô tô "kéo xe hổng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 ký hợp đồng lừa thế chấp với Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên) chiếc xe ô tô "kéo xe hổng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 để vay số tiền 130.000.000đ. Do tin tưởng chiếc xe ô tô "kéo xe hổng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 được hình thành từ vốn vay như cam kết của H trong hợp đồng nên trong ngày 15/9/2009 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên đã ký hợp đồng tín dụng trung hạn số AC: 390.82.000.220952 cho H vay số tiền 130.000.000đ. T4 bộ số tiền này được Ngân hàng chuyển đến tài khoản số 3901.000.0019823 của Công ty cổ phần ô tô PK ở tổ V, phường CG, thành phố TN để thanh toán khoản nợ của H với Công ty cổ phần PK. Trong thời gian thế chấp tài sản, Ngân hàng chỉ giữ lại đăng ký số 008694, còn chiếc xe ô tô "kéo xe hổng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 Ngân hàng thương mại cổ

phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên giao cho H quản lý, sử dụng.

Vụ thứ ba: Sau khi thế chấp đăng ký số 008694 của chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên như nêu trên, H tiếp tục nảy sinh ý định lừa bán chiếc xe ô tô này cho người khác. Để thực hiện ý đồ, ngày 05/02/2010 H gian dối viết đơn trình báo Công an thị trấn CH, huyện ĐH về việc H bị mất đăng ký của chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 để được Công an thị trấn CH xác nhận vào đơn xin cấp lại đăng ký để rồi đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục báo mất và xin cấp lại đăng ký. Ngày 06/02/2010 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã cấp lại đăng ký số 002471 cho H chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379.

Lúc này vì sợ việc sử dụng đăng ký cấp lại vào việc bán xe ô tô cho người khác sẽ bị nghi ngờ nên trong tháng 3/2010 H tiếp tục gian dối góp vốn xe ô tô vào Công ty để được sang tên từ chủ xe cá nhân Vương Thị H sang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H đối với chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 để được cấp đăng ký mang tên Công ty. Ngày 10/3/2010 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã thu hồi đăng ký số 002471 (đăng ký cấp lại) và cấp đăng ký số 002676 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H là chủ chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379.

Khi có được đăng ký gốc số 002676 của chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379, ngày 04/6/2010 H đã bán chiếc xe này cho anh Lê Trung K, sinh năm 1975; nơi cư trú tại xóm AT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên với giá là 150.000.000đ. Do tin tưởng chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 có đăng ký 002676 là tài sản hợp pháp của Công ty H, không có tranh chấp nên anh K đã đồng ý mua. H đã bàn giao xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 và đăng ký số 002676 cho anh K và anh K đã trả đủ cho H 150.000.000đ. Sau đó anh K đã đem chiếc xe trên gửi tại nhà anh Trần Thanh T5, sinh năm 1971; trú tại tổ AAZ, thị trấn CH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Đến ngày 06/11/2015 Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe ô tô trên.

Vụ thứ tư: Sau khi đã thế chấp đăng ký số 005718 của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH như nêu trên, H tiếp tục nảy sinh ý định lừa bán chiếc xe ô tô này cho người khác. Để thực hiện ý đồ, ngày 15/3/2010 H đã gian dối viết đơn trình báo Công an thị trấn CH, huyện ĐH về việc H bị mất đăng ký của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 để được Công an thị trấn CH xác nhận vào đơn xin cấp lại đăng ký rồi mang đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục báo mất và xin cấp lại đăng ký; đồng thời H còn làm thủ tục đăng ký sang tên chủ xe từ tên cá nhân Vương Thị H sang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H để được cấp đăng ký gốc đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chuanlu nêu trên. Ngày 18/3/2010 Phòng

cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã cấp đăng ký gốc số 002779 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H là chủ chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691.

Khi có được đăng ký gốc số 002779, trong tháng 10/2010 H đã lừa bán chiếc xe này cho anh Đoàn Mạnh C1, sinh năm 1966; nơi cư trú tại tổ X, thị trấn CH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên với giá là 126.000.000đ. Do tin tưởng chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 có đăng ký gốc 002779 là tài sản hợp pháp của H nên anh C1 đã đồng ý mua với điều kiện H phải sang tên chủ xe trong đăng ký từ tên Công ty trách nhiệm hữu hạn tư H sang tên cá nhân Vương Thị H, anh C1 trả trước cho H 100.000.000đ, còn 26.000.000đ anh C1 sẽ trả H khi H giao đăng ký tên chủ xe là Vương Thị H; H đồng ý giao xe ô tô cho anh C1, đồng thời nhận của anh C1 100.000.000đ.

Ngày 26/10/2010 H đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục đăng ký sang tên chủ xe từ tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H sang tên cá nhân Vương Thị H đối với chiếc xe tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691. Đến ngày 27/10/2010 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã thu hồi đăng ký số 002779 tên chủ xe là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H và cấp đăng ký số 005361 cho Vương Thị H là chủ chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 nêu trên. Cùng ngày H đã giao đăng ký này cho anh C1 và nhận của anh C1 số tiền 26.000.000đ như thỏa thuận. Do lúc này anh C1 đã bán chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 cho anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1974; trú tại xóm NS, xã HN, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn với giá 170.000.000đ nên sau khi được anh C1 yêu cầu, H đã ký rồi giao cho anh C1 giấy bán xe đề ngày 27/10/2010 có nội dung "Vương Thị H bán cho anh Nguyễn Đức H2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chuanlu, BKS: 20L-3691" sau đó anh C1 đã giao giấy bán xe này cho anh H2.

Vụ thứ năm: Ngày 16/4/2010 H ký hợp đồng bán cho anh Vi Minh T2, sinh năm 1973; trú tại tổ Z, phường HVT, thành phố TN chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 với giá là 250.000.000đ và làm thủ tục công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên. Sau khi ký hợp đồng mua bán, H đã giao xe ô tô và đăng ký xe số 002913 của chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 cho anh T2 và nhận của anh T2 250.000.000đ.

Sau khi bán chiếc xe ô tô trên cho anh T2, do thấy anh T2 chưa làm thủ tục sang tên nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này của anh T2 để bán cho người khác lấy tiền chi tiêu.

Để thực ý định trên, ngày 19/4/2010 H đến nhà anh T2 thuê lại chiếc xe ô tô trên, anh T2 tin H thuê thật nên đã giao chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 cho H thuê với thỏa thuận 10.000.000đ/tháng. Sau khi ký hợp đồng cho thuê xe, anh T2 giữ lại đăng ký và giao xe cho H. Để bán được chiếc xe ô tô đã chiếm đoạt được của anh T2, ngày 04/5/2010 H đã gian dối viết đơn trình báo bị mất đăng ký của chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 để được Công an thị trấn CH, huyện ĐH

xác nhận vào đơn xin cấp lại đăng ký rồi đem lá đơn này đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên báo mất và xin cấp lại đăng ký. Đến ngày 14/5/2010 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đã cấp lại đăng ký số 003455 cho Vương Thị H là chủ chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200. Ngày 12/6/2010 H đã sử dụng đăng ký cấp lại số 003455 bán chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 cho anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1977; trú tại xóm S, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên với giá 400.000.000đ, số tiền này H sử dụng chi tiêu hết.

Sau khi mua chiếc xe ô tô trên của Vương Thị H, anh D đã bán chiếc xe này cho anh Phạm Văn T3, sinh năm 1976; trú tại tổ AA, phường GS, thành phố Thái Nguyên với giá 425.000.000đ. Sau đó anh T3 thông qua anh Vũ Hải T4, sinh năm 1974; trú tại tổ U, phường TV, thành phố Thái Nguyên đã bán chiếc xe này cho anh Vũ Đình C2, sinh năm 1965; trú tại tổ Z0, phường PĐP, thành phố TN với giá 413.000.000đ và anh C2 đã sửa chữa xe hết 57.000.000đ, sau đó anh C2 đã bán chiếc xe này cho anh Hứa Phúc C1, sinh năm 1964; trú tại tổ ZZA, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn với giá 465.000.000đ. Ngày 06/12/2010 anh Hứa Phúc C1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 128 ngày 23/12/2010 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 mà Vương Thị H chiếm đoạt của anh Vi Minh T2 trị giá là 380.000.000đ.

Vụ thứ sáu: Sau khi H bán cho anh Nguyễn Tiến D chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 trên, đến ngày 25/9/2010 H đến gặp anh Vi Minh T2 nói dối anh T2 là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 đang bị Công tỉnh Thanh Hóa tạm giữ do vi phạm giao thông cần có đăng ký xe mới lấy được xe ra. Do lúc đó anh T2 vẫn nghĩ là H đang thuê xe nên đồng ý cho H mượn đăng ký số 002913 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/4/2010 cho Vương Thị H là chủ chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200. Sau khi được anh T2 đưa cho đăng ký xe, ngày 26/10/2010 H đã sử dụng đăng ký này lừa bán cho anh Trần Văn T1, sinh năm 1970; trú tại tổ Y, phường TD, thành phố TN chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 bằng cách H nói dối anh T1 là xe ô tô H đang cho người khác thuê, sắp đến ngày họ trả lại xe cho H. Do tin tưởng H có chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 như ghi trong đăng ký số 002913 nên ngày 26/10/2010 anh T1 đã đồng ý mua của H chiếc xe ô tô trên với giá là 444.000.000đ. H nhận đủ tiền của anh T1 và viết giấy bán xe rồi giao giấy đăng ký số 002913 cho anh T1.

Sau khi lừa chiếm đoạt được của anh T1 số tiền trên, H tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T1. Để thực hiện ý đồ, ngày 28/10/2010 H đã sử dụng đăng ký số 003820 (do H khai báo gian dối bị mất, được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp lại ngày 09/6/2010 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H là chủ chiếc xe ô tô "kéo xe hồng" nhãn hiệu Cửu Long

biển kiểm soát 20L-4379) vào việc lừa thế chấp cho anh T1 để vay số tiền 134.400.000đ. Mặc dù lúc này H không còn chiếc xe đó nữa (vì trước đó H đã bán chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 cho anh Lê Trung K) nhưng để lừa vay được tiền của anh T1, H nói dối anh T1 là xe ô tô của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H vẫn đang sử dụng, chưa bán cho ai. Do tin tưởng H nên ngày 28/10/2010 anh T1 đã đồng ý cho H thế chấp đăng ký số 003820 của chiếc xe trên, anh T1 đưa cho H vay số tiền 134.400.000đ.

Tổng số tiền Vương Thị H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 02 Ngân hàng và 04 cá nhân là 1.664.400.000đ; trong đó: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH bị H chiếm đoạt là 300.000.000đ, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên bị H chiếm đoạt là 130.000.000đ, anh Lê Trung K bị H chiếm đoạt là 150.000.000đ, anh Đoàn Mạnh C1 bị H chiếm đoạt là 126.000.000đ, anh Trần Văn T1 bị H chiếm đoạt là 578.400.000đ, anh Vi Minh T2 bị H chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 trị giá là 380.000.000đ.

Sau khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 ngân hàng và 04 cá nhân như nêu trên, Vương Thị H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với Vương Thị H. Đến ngày 08/8/2017 Vương Thị H đến Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế lao bảo, tỉnh Quảng Trị đầu thú.

Về vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe ô tô "kéo xe hỏng" nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379 đã được thu hồi hiện đang lưu giữ tại kho của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Chuanlu biển kiểm soát 20L-3691 anh H2 bán cho một người không biết tên, địa chỉ đến nay chưa thu hồi được.

- Chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20L-8200 quá điều tra ngày 18/01/2011 Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã trả lại cho bị hại là anh Vi Minh T2.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS(P2) ngày 07/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Vương Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vương Thị H cũng khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã quy kết; bị cáo nhận tội và chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất ở lời nói sau cùng.

Bị hại và người liên quan có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra.

Trong lời luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo

và đề nghị xử phạt bị cáo Vương Thị H mức án từ 14 - 15 năm tù; đề nghị xem xét ghi nhận bị cáo trả lại cho bị hại các khoản gốc và lãi theo thỏa thuận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trong phần tranh luận nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo nhưng cho rằng bị cáo trước khi bị khởi tố đã khắc phục được một phần hậu quả, sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc. Từ đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay về nội dung cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác và nhiều tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Theo đó có đủ căn cứ kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước nên trong khoảng thời gian 2009 - 2010 Vương Thị H đã sử dụng 03 chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu của mình gồm: Xe ô tô tải mui phủ nhãn hiệu Cửu Long biển kiểm soát 20L-4379; xe ô tô tải nhãn hiệu CHUANLU biển kiểm soát 20L-3691; xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA INOVA biển kiểm soát 20L-8200 vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách: H đã nhiều lần gian dối làm đơn trình báo là mất đăng ký xe; xin hoán cải kết cấu xe; đăng ký sang tên chủ xe từ tên cá nhân Vương Thị H sang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư H và ngược lại để được cấp nhiều đăng ký đối với cả ba chiếc xe ô tô trên rồi sử dụng các đăng ký xe được cấp vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 Ngân hàng và 04 cá nhân với tổng số tiền là 1.664.400.000đ. Do đó, bị cáo bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

[2] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó việc xử lý nghiêm đối với bị cáo là cần thiết.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trước khi bị khởi tố bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và không có tình tiết tăng nặng.

Xét trong trường hợp cụ thể này, Hội đồng xét xử thấy có thể xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH: Sau khi Vương Thị H bỏ trốn khỏi địa phương, Ngân hàng đã thu hồi được số tiền là 50.050.000đ thông qua việc bán tài sản thế chấp của Vương Thị H ở một khoản vay khác còn dư lại nên số tiền gốc H phải trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH là 249.950.000đ. Số tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử (ngày 26/7/2018) là 303.767.000đ. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH yêu cầu bị cáo trả lại số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh trên, bị cáo chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó.

- Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên: Trước khi sự việc bị phát giác, Vương Thị H đã trả được 86.000.000đ tiền gốc. Sau khi H bỏ trốn khỏi địa phương, Công ty cổ phần ô tô PK đã trả nợ thay cho H 44.000.000đ (Công ty cổ phần ô tô PK không yêu cầu H hoàn trả lại). Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên yêu cầu Vương Thị H phải thanh toán khoản nợ lãi còn thiếu là 11.883.375đ, bị cáo chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó.

- Đối với yêu cầu của anh Lê Trung K đề nghị Vương Thị H trả lại số tiền 150.000.000đ, anh Trần Văn T1 đề nghị Vương Thị H trả lại số tiền 578.400.000đ, tại phiên tòa hôm nay bị cáo H chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó.

- Đối với anh Đoàn Mạnh C1, anh Nguyễn Tiến D không yêu cầu Vương Thị H bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với các yêu cầu của anh Vi Minh T2, của anh Phạm Văn T3, của anh Hứa Phúc C1 do những người này đều vắng mặt tại phiên tòa và sự vắng

mặt của những người này không làm rõ được yêu cầu nên được tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí, bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Vương Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Vương Thị H 12 (mười hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 585, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận thỏa thuận của Vương Thị H với các bị hại cụ thể như sau:

- Vương Thị H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện ĐH số tiền gốc là 249.950.000đ và số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 303.767.000đ.

- Vương Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên số tiền lãi còn nợ là 11.883.375đ.

- Vương Thị H phải trả cho anh Lê Trung K số tiền là 150.000.000đ.

- Vương Thị H phải trả cho anh Trần Văn T1 số tiền là 578.400.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành đối với khoản tiền nợ gốc phải trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình:

- Tạm giữ tài sản của Vương Thị H để đảm bảo thi hành án gồm: 01 chiếc xe ô tô "kéo xe hồng" nhãn hiệu Cửu Long, biển kiểm soát 20L-4379, trên khung xe có hàng số CL7550P*000303* trên thân máy xe có hàng số P9C6662; tình trạng xe cũ nát, han gỉ, không kiểm tra máy bên trong, hai bên cánh cửa xe có dán niêm phong của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐH.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1 bên ngoài ghi có đăng ký xe số 003455 cấp ngày 14/5/2010 xe Inova 20L-8200; 01 bì niêm phong ký hiệu "T2 01" bên ngoài ghi có đăng ký xe Inova 20L-8200 số đăng ký 002913 cấp ngày 01/4/2010; 01 bì niêm phong ký hiệu T01 bên ngoài ghi có đăng ký xe và sổ chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm xe Cửu Long 20L-4379; 01 bì niêm phong ký hiệu H1 bên ngoài ghi có 02 quyền hộ chiếu;

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Vương Thị H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 50.820.000đ án phí dân sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan THA hình sự;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QLNV liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Văn Hiến